

## MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA CỦA NGƯỜI TÀY Ở LẠNG SƠN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

BÊ VĂN HẬU\* - MAI VĂN HUYỀN\*\*

### I. Mở đầu

Là một trong những cộng đồng người có bề dày hàng ngàn năm lịch sử, người Tày ở Lạng Sơn đã tạo ra bản sắc văn hóa của riêng mình, và điều này được thể hiện ở cả ba lĩnh vực văn hóa vật chất, xã hội và tinh thần. Chẳng hạn, về văn hóa vật chất có món lợn quay, vịt quay, khâu nhục, hoa hồi, hồng ngâm Bảo Lâm, quýt Bắc Sơn, đào Mẫu Sơn... Văn hóa tinh thần thì có ngôn ngữ Tày (chữ Nôm Tày có từ rất sớm), cây đàn tính, các lễ hội Lồng Tồng (Xuống đồng), Nàng Hai (Nàng Trắng). Còn văn hóa xã hội, đây là các giá trị, các khuôn mẫu ứng xử và các mối quan hệ gia đình, dòng họ, làng bản của người Tày vô cùng thân mật và đậm ám.

Tuy nhiên, cũng giống như bất kỳ một hiện tượng xã hội nào khác, văn hóa cũng luôn vận hành trên đường biến đổi, kể cả biến đổi ở tầm vĩ mô cũng như biến đổi ở các cấp trung mô và vi mô. Văn hóa Tày cũng không là ngoại lệ. Trải qua hàng ngàn năm sống chung trong các cộng đồng dân tộc Việt Nam, qua việc giao lưu giữa các vùng miền, cũng như giao lưu với các tộc người khác nhau, văn hóa Tày cũng không ngừng biến đổi.

Bước vào thời kỳ Đổi mới (từ 1986), dưới tác động của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nền kinh tế thị trường, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, văn hóa Tày không những biến đổi, mà còn biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và toàn diện. Đặc biệt đối với cộng đồng người Tày Lạng Sơn, tình có chung đường biên với Trung Quốc, sự biến đổi càng rõ nét. Bằng cảm quan đời thường có thể dễ dàng nhận thấy từ các việc sinh hoạt hàng ngày như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, các phương tiện đi lại cho đến lời ăn tiếng nói, phong tục, tín ngưỡng, cũng như các hình tượng, các mô típ được sử dụng trong văn học-nghệ thuật, các khuôn mẫu, các cung cách ứng xử giữa người với người, tất cả đều đang thay đổi, ít nhất là mới mẻ hơn so với giai đoạn trước Đổi mới.

Trong bối cảnh đó, trên bình diện khoa học, một số câu hỏi nghiên cứu được đặt ra: Văn hóa của người Tày ở Lạng Sơn đang biến đổi ra sao? Logic xã hội nào quy định sự biến đổi đó? Sự biến đổi này có làm suy giảm hoặc làm mất đi bản sắc văn hóa của người Tày hay không? Bài viết này có mong muốn góp phần trả lời những câu hỏi đó.

### II. Khái quát về địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Địa bàn khảo sát là ba xã thuộc ba huyện khác nhau của Lạng Sơn, bao gồm: xã Yên Trạch (huyện Cao Lộc), xã Trấn Ninh (huyện Văn Quan) và xã Tân Lang (huyện Văn Lãng).

\* TS, Viện Xã hội học.

\*\* ThS, Công ty CP Phát triển Thăng Long.

Nếu lấy thành phố Lạng Sơn làm trung tâm thì mỗi xã được chọn đại diện cho một vùng miền có trình độ phát triển kinh tế-xã hội khác nhau của tỉnh. Cụ thể là:

- Xã Yên Trạch (huyện Cao Lộc) cách thành phố Lạng Sơn 3km đường bộ, đời sống của cư dân ít nhiều in dấu ấn đô thị. Về mặt dân số, xã có 977 hộ với 5.126 nhân khẩu; trong đó đông nhất là dân tộc Tày, sau đó là Nùng và Kinh, một số hộ thuộc các dân tộc thiểu số khác. Kinh tế ở đây chủ yếu là nông nghiệp, một số hộ có thêm buôn bán nhỏ, mức sống tương đối khá giả.

- Xã Tân Lang (huyện Văn Lãng) cách biên giới Việt Trung 15km, cách thành phố Lạng Sơn 35km đường bộ. Người dân ở đây có quan hệ và giao lưu khá mạnh về văn hóa với người Hán, người Choang ở Trung Quốc. Dân số của xã gồm 475 hộ với 2.050 nhân khẩu; có 4 dân tộc là Tày, Nùng, Kinh, Hoa cùng sinh sống. Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, lúc nông nhàn nhiều người đi làm cửu vạn ở các cửa khẩu dọc biên giới Việt Trung, đời sống người dân ở mức trung bình của tỉnh.

- Xã Trấn Ninh (huyện Văn Giang) cách Lạng Sơn 50km đường bộ, thuộc vùng sâu vùng xa của tỉnh. Các mặt kinh tế-xã hội ở đây đều chậm phát triển hơn so với 2 địa bàn trên. Dân số của Trấn Ninh có quy mô nhỏ, cả xã có 513 hộ với 2.783 nhân khẩu, có 2 dân tộc là Tày và Nùng cùng sinh sống. Nghề nghiệp chính vẫn là trồng trọt và chăn nuôi, mức sống của người dân thuộc loại thấp trong bảng phân loại của tỉnh.

Với ba điểm khảo sát trên đây, chúng tôi hy vọng mẫu nghiên cứu sẽ phản ánh đại diện cho cộng đồng người Tày đang sinh sống ở Lạng Sơn. Qua đó phản ánh được sự biến đổi trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Tày ở tỉnh này trong thời kỳ Đổi mới. Thời gian tiến hành cuộc khảo sát này được bắt đầu từ tháng 5 năm 2009 và kết thúc vào tháng 10 năm 2010.

Để thu thập thông tin, chúng tôi sử dụng các phương pháp quen thuộc của chuyên ngành Nhân học và Xã hội học. Cụ thể là: 1) Sử dụng các nguồn tư liệu thứ cấp trên các sách báo đã công bố; 2) Phỏng vấn trực tiếp 600 hộ gia đình qua mẫu ngẫu nhiên, trong đó có phân theo các nhóm giới tính, nghề nghiệp, mức sống, học vấn, lứa tuổi, tình trạng hôn nhân...; 3) Tổ chức thảo luận nhóm tập trung (4 nhóm); 4) Phỏng vấn sâu cá nhân (25 người); 5) Tham khảo ý kiến chuyên gia, kể cả những nhà nghiên cứu và những người có hiểu biết sâu về vấn đề mà tác giả đang tìm hiểu. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp quan sát tham dự-cụ thể là đến sinh sống một thời gian tương đối dài trên địa bàn nghiên cứu, cùng ăn, cùng ở và cùng tham gia các hoạt động văn hóa của người dân trên cả ba xã thuộc địa bàn khảo sát nhằm nắm bắt và hiểu sâu hơn vấn đề cần quan tâm.

### III. Biến đổi văn hóa của người Tày Lạng Sơn qua cuộc khảo sát

Trước hết về *văn hóa vật chất*, trải qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, dân tộc Tày, trong đó có người Tày ở Lạng Sơn, đã tạo ra những sản phẩm văn hóa vật chất vô cùng đa dạng và phong phú. Ở văn hóa ẩm thực, ngoài cơm, xôi còn có vô vàn các loại bánh trái và đồ uống vừa bổ dưỡng vừa giàu hương vị riêng. Về trang phục, bộ quần áo chàm đã bền lại hợp với phong thổ núi rừng, trang phục nữ có nhiều màu sắc, lấm văn hoa tinh xảo. Còn ngôi nhà sàn của người Tày thì quả thực đó là một sáng tạo độc đáo, nó giải quyết được vấn đề khí hậu nóng và ẩm, đồng thời lại phản ánh cách sinh sống dựa vào nương rẫy của những người ở miền rừng. Việc đi lại và vận tải đồ vật bằng gùi, bằng ngựa, bằng thuyền cũng là cách thích ứng của miền

son cước. Nhìn chung cả bốn lĩnh vực ăn, mặc, ở, đi lại đều phản ánh bản sắc văn hóa dân tộc độc đáo của bộ phận người Tày ở biên giới phía Bắc Việt Nam.

Nhưng bước sang thời kỳ đổi mới, lĩnh vực văn hóa vật chất này đang biến đổi khá nhanh và sự biến đổi diễn ra trên tất cả các phương diện. Chẳng hạn, bên cạnh các món ăn và đồ uống vẫn còn được bảo tồn theo truyền thống thì một vài món ăn đã được cách tân, đổi mới để trở thành đặc sản và chinh phục được nhiều du khách (như vịt quay Thất Khê, hồng Bảo Lâm, quýt Bắc Sơn). Xét về trang phục, áo quần của người Tày ngày nay được may bằng những loại vải đẹp và sang trọng hơn, có nhiều màu sắc hơn, (bộ trang phục cổ truyền vẫn được lưu giữ và trở thành lễ phục, nhất là trang phục nữ). Cũng như vậy, ngôi nhà sàn cổ truyền của người Tày ngày càng vắng bóng, thi thoảng mới được lưu giữ hay sử dụng chất liệu sắt thép, xi măng thay cho các vật liệu xây dựng truyền thống như gỗ, luồng, tre nứa, lá gồi. Các loại xe đạp, xe gắn máy, ô tô đang thay dần cho việc đi bộ, đi ngựa, đi thuyền và giúp cho người Tày nối liền các bản làng xa hẻo lánh với các thị tứ, thị trấn hay các thành phố lớn.

Nhìn chung, qua các số liệu thống kê định lượng, các tư liệu phỏng vấn sâu, cũng như qua các kết quả khảo sát tham dự đều cho thấy trên các bình diện ăn, mặc, ở, đi lại trong văn hóa vật chất của người Tày ở Lạng Sơn đang có sự biến đổi cho dù diễn ra ở mức mạnh yếu hoặc nhanh chậm khác nhau trong từng lĩnh vực.

Nhiều ý kiến cho rằng sự biến đổi văn hóa vật chất trong những năm qua đã diễn ra một cách tự nhiên, tự nguyện, khách quan và đúng theo quy luật tồn tại và phát triển của văn hóa, chứ không gò bó, ép buộc. Cố nhiên, sự biến đổi có phần nhanh chóng này đã khiến cho không ít người, nhất là các nhóm người cao niên và trí thức Tày - những người hiểu biết sâu xa về lịch sử và văn hóa của dân tộc - rơi vào tâm trạng hẫng hụt. Họ cảm thấy xót xa và tiếc nuối những gì đã và đang mất đi. Tuy nhiên, tâm trạng đó không diễn ra trên toàn cộng đồng. Bằng chứng khảo sát định lượng cho thấy số người cho rằng việc ăn, mặc, ở, đi lại bây giờ là tốt hơn và thuận lợi hơn luôn chiếm số lượng áp đảo, và được thể hiện ở tất cả các nhóm xã hội khác nhau. Trong bối cảnh mới hiện nay, những gì đặc sắc trong lĩnh vực văn hóa vật chất của người Tày còn có điều kiện để vượt ra khỏi không gian của bản làng, hội nhập với thế giới để mọi người cùng biết đến.

Thứ hai, về *văn hóa tinh thần* xem xét trên ba phương diện là ngôn ngữ, văn học-nghệ thuật và phong tục-tín ngưỡng. Trong quá khứ, người Tày đã sáng tạo ra ngôn ngữ riêng của mình, được tất cả các cộng đồng người Tày sống ở nhiều tỉnh khác nhau sử dụng. Chữ Nôm Tày có từ rất sớm (theo các nguồn tài liệu cổ còn giữ được thì chữ Nôm Tày ra đời ít nhất là không muộn hơn chữ Nôm của người Việt). Về văn học-nghệ thuật, người Tày không chỉ có tục ngữ, thành ngữ truyền khẩu mà còn có văn học thành văn được ghi bằng chữ Nôm và chữ Hán, có truyện cổ tích, các bài hát đồng dao. Âm nhạc có cây đàn tính độc đáo và nổi tiếng. Người Tày còn có nghệ thuật trang trí trên nhiều chất liệu, có các điệu múa dân gian giàu bản sắc. Phong tục-tín ngưỡng thì có các lễ hội Lòong Tồng, lễ hội Nàng Hai, lễ cúng gia tiên,... Kho tàng văn hóa tinh thần này không thể nói là không đa dạng và phong phú.

Cũng như văn hóa vật chất, trong thời kỳ đổi mới, lĩnh vực văn hóa tinh thần của người Tày Lạng Sơn đang có sự biến đổi sâu sắc. Tuy nhiên, nếu so với văn hóa vật chất thì sự biến đổi trong lĩnh vực tinh thần cũng có những đặc thù riêng. Chẳng hạn, về mặt ngôn ngữ, mặc dù việc sử dụng song ngữ Tày-Việt ngày nay đã trở nên phổ biến, nhưng chưa có một làng bản

nào của người Tày sử dụng toàn tiếng Việt. Tiếng Việt trong trường hợp này đã trở thành một phương tiện để người Tày mở rộng sự giao lưu với mọi miền đất nước. Với văn học-nghệ thuật, chữ Nôm Tày đã mai một, bộ chữ Tày phiên âm theo mẫu tự La tinh thì ngày càng ít được sử dụng. Nhưng bù lại, nhiều tác phẩm văn học Tày lại được in song ngôn ngữ Tày-Việt. Trong thời gian gần đây, nhiều nhà nghiên cứu còn hướng tới việc sưu tầm và công bố các loại hình loại thể văn học nghệ thuật đã có phần bị lãng quên trong quá khứ. Ở lĩnh vực phong tục-tín ngưỡng, các ngày lễ, tết, hội từ trong gia đình đến làng bản (như lễ gia tiên, các lễ hội Lòng Tông, Nàng Hai...) cũng được phục hồi, cách tân, đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương cũng như khách tham quan, du lịch từ các nơi đến.

Đương nhiên, trong quá trình phục hưng này, văn học-nghệ thuật Tày không tránh khỏi sự chi phối của cơ chế kinh tế thị trường, mà cụ thể là xu hướng thương mại hóa. Nhiều khi người ta chạy theo tiếng gọi của đồng tiền mà xem nhẹ các giá trị thẩm mỹ, giá trị tâm linh của văn hóa dân tộc. Nhưng nếu nhìn một cách tổng thể, có thể nói văn hóa tinh thần của cộng đồng người Tày Lạng Sơn đã và đang vận hành hài hòa như một tiểu văn hóa trong nền văn hóa chung của quốc gia - dân tộc. Người Tày được thừa hưởng những giá trị văn hóa chung, nhưng đồng thời tiểu văn hóa của người Tày cũng đóng góp những nét riêng độc đáo của mình làm cho nền văn hóa chung của Việt Nam ngày càng thêm phong phú.

Thứ ba, về *văn hóa-xã hội*. Theo nhà xã hội học người Nga L.G.Ionin, nếu văn hóa vật chất là tất cả những gì có thể nuôi sống và bảo vệ con người trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên bao quanh, văn hóa tinh thần là tất cả những gì gắn liền với các phương diện chủ quan của con người như các ý niệm, các tâm thế, các giá trị, thì văn hóa xã hội được xem như là tất cả những gì được sáng tạo ra trong quan hệ giữa con người với con người. Ở Việt Nam, nhà nghiên cứu Đoàn Văn Chúc cho rằng văn hóa xã hội được thể hiện tập trung ở các khuôn mẫu ứng xử, các vai trò xã hội cũng như các thiết chế xã hội như gia đình, giáo dục, kinh tế, chính trị, tôn giáo... (Đoàn Văn Chúc, 1997). Chưa có điều kiện đi sâu vào thế giới rộng lớn đó, trong bài viết này chúng tôi chỉ dừng lại để mô tả và phân tích các mối quan hệ giữa người với người trong phạm vi họ hàng, làng bản.

Phải thừa nhận là trong quá trình hình thành và phát triển, dân tộc Tày đã xây dựng được cho mình một hệ giá trị khá bền vững trong các mối quan hệ giữa con người với con người. Xét ở một phạm vi hẹp là gia đình, thì đó là sự yêu thương gắn bó giữa vợ và chồng, giữa bố mẹ và con cái, giữa các anh chị em với nhau. Ở dòng họ, đây là cách nghĩ “một giọt nước đào hơn ao nước lã”, là chế độ cử tộc, nam tôn nữ ti, trên dưới thứ bậc rõ ràng và nhất là sự cấm kỵ tuyệt đối mọi biểu hiện nội hôn cùng huyết thống. Đến quan hệ nơi làng bản, dù xã hội của người Tày có sâu sắc, người giàu đã có lối sống khác với người nghèo, nhưng nổi trội hơn vẫn là tinh thần cộng đồng “lá lành đùm lá rách”, là tình yêu sâu đậm đối với mái nhà sàn, cánh rừng, con suối nơi chôn rau cắt rốn. Các giá trị và chuẩn mực xã hội này đã góp phần làm cho người Tày trường tồn với tư cách là một dân tộc, và văn hóa Tày vẫn còn mãi với thời gian. Đương nhiên, nằm trong vùng ảnh hưởng của Nho giáo, các quan hệ xã hội của người Tày ít nhiều bị chi phối bởi tư tưởng trọng nam khinh nữ, quá coi trọng lễ giáo, trói buộc quyền tự do của cá nhân...

Đối với văn hóa xã hội, mà cụ thể ở đây là các mối quan hệ xã hội giữa người với người ở dân tộc Tày, cũng không phải “nhất thành bất biến”. Cũng giống như văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, trong thời kỳ Đổi mới các mối quan hệ thuộc văn hóa xã hội của người Tày cũng

đang có sự biến đổi khá mạnh. Trong gia đình, người chồng, người cha không còn giữ quyền uy tuyệt đối, giữa chồng và vợ đã có sự bình đẳng nhất định. Người phụ nữ đã tham gia vào các hoạt động bên ngoài gia đình nhiều hơn. Con trai và con gái đều được đến trường như nhau, nhất là ở các cấp tiểu học và trung học cơ sở. Việc hôn nhân do con cái quyết định là chính, cha mẹ chỉ tham gia đóng góp ý kiến. Quan hệ dòng họ cũng có sự thay đổi. Sau một thời gian dài bị chìm lấp trong cơ chế bao cấp, đến nay các quan hệ này đang được khôi phục trở lại. Mặc dù ở đôi nơi, kinh tế thị trường có làm cho các quan hệ họ hàng thân thích bị rạn nứt ít nhiều, nhưng bù đắp lại, các phương tiện truyền thông hiện đại như điện thoại di động, internet... đã giúp cho việc kết nối và mở rộng các quan hệ xã hội từ làng bản đến phạm vi cả nước và quốc tế. Không khí làng bản cũng thay đổi rất nhiều, quan hệ giữa người lãnh đạo và người dân, giữa các thế hệ già và trẻ, giữa nam và nữ ngày càng bình đẳng hơn, tự do cá nhân ngày càng được tôn trọng.

#### **IV. Mấy nhận xét sơ bộ**

Qua kết quả khảo sát đã trình bày ở phần trên, một số nhận xét sơ bộ được rút ra như sau:

1. Sau 25 năm Đổi mới và phát triển, đời sống văn hóa của người Tày Lạng Sơn đã có sự biến đổi mạnh mẽ trên cả ba phương diện: văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và văn hóa xã hội. Với văn hóa vật chất, đó là những biến đổi trong cách ẩm thực, các kiểu mốt quần áo mới, trong vật liệu xây dựng và nhất là việc đi lại bằng xe gắn máy. Với văn hóa tinh thần, đó là việc sử dụng đồng thời hai loại ngôn ngữ Tày và Việt, việc công bố các ấn phẩm song ngữ Tày-Việt hay ở việc cách tân, đổi mới các lễ hội Lồng Tồng, Nàng Hai. Còn với văn hóa xã hội, đó là việc không ngừng tiếp thu các giá trị văn hóa mới trong quan hệ giữa con người với con người. Có thể nói, trong bối cảnh của công cuộc đổi mới, người Tày ở Lạng Sơn không còn ngủ yên trong các bản làng cổ truyền nữa. Họ đã mở rộng cửa để đón nhận những giá trị văn hóa mới, trong đó đặc biệt phải kể đến quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa người già và người trẻ, sự tôn trọng tự do cá nhân, đặc biệt là quyền tự do yêu đương và lựa chọn người bạn đời của thanh niên nam nữ. Sự biến đổi này không những không thủ tiêu tính cộng đồng từ gia đình, dòng họ đến làng bản, mà còn làm cho ý thức cộng đồng không bị bó hẹp trong gia đình, họ hàng, làng bản mà ngày càng rộng mở hơn, uyển chuyển hơn, do đó cũng đa dạng và lấm sắc màu hơn trước.

2. Sự biến đổi văn hóa của người Tày ở Lạng Sơn trong thời kỳ Đổi mới, xét đến cùng, có những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Khách quan mà nói, hơn 25 năm đổi mới không chỉ làm thay đổi cảnh quan môi trường, phương thức canh tác, mà còn làm hình thành nên nhiều nhóm xã hội mới và lối sống mới ở khu vực này. Thêm vào đó, phát triển kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra với lượng hàng hóa khổng lồ từ dưới xuôi lên và từ Trung Quốc sang làm cho người dân không còn duy trì lối tiêu dùng tự cấp tự túc trước kia. Còn về chủ quan - đó chính là ý thức về tập quán văn hóa của người Tày. Ngay từ trong lịch sử, cư dân Tày đã giao lưu, tiếp xúc, tiếp nhận và tiếp biến văn hóa, chí ít là của người Việt và người Hán để tạo nên nền văn hóa riêng của mình. Chính khả năng giao lưu, tiếp xúc, tiếp nhận và tiếp biến văn hóa của người Tày đã giúp họ phát huy và phát triển văn hóa người Tày Lạng Sơn trong thời kỳ Đổi mới.

3. Tư liệu của cuộc điều tra cho thấy, ngày nay người Tày Lạng Sơn không chỉ tiếp thu văn hóa của người Hán hay người Việt, mà là văn hóa của nhiều nơi trên thế giới. Xét từ yếu

tổ con người cũng vậy, người Tày Lạng Sơn không còn sống khép kín trong các bản làng, mà có mặt ở khắp mọi nơi và không ít người đã có mặt trên nhiều châu lục quốc tế. Qua các kênh giao lưu này, nét văn hóa độc đáo của người Tày cũng được nhiều nơi biết đến. Nói một cách hình tượng là, nếu như nếp nhà sàn của người Tày xưa chủ yếu chỉ tiếp nhận các luồng về văn hóa của người Việt từ dưới xuôi hay của người Hoa từ Trung Quốc đưa đến, thì cũng nếp nhà sàn ấy ngày nay đã được mở rộng cửa để đón gió mười phương và tiếp nhận các giá trị văn hóa mới từ khắp nơi trên thế giới. Như thế, văn hóa Tày không hề mất đi, mà đang vận động, biến đổi và phát triển - giống như nó đã từng vận động, biến đổi, phát triển và tồn tại qua hàng ngàn năm lịch sử.

### **Tài liệu trích dẫn**

Đoàn Văn Chúc. 1997. Văn hoá học. NXB Văn hoá - thông tin, Hà Nội.

Ionin L.G. 1996. The Sociology of Culture. M.: LOGOS. 1996 - 280 p.